

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/DS-PT
Ngày: 27-12-2019
V/v tranh chấp đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Chín.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường;

Bà Đoàn Thị Thanh Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thuận – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp đất đai*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 239/2019/QĐ-PT ngày 16/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

+ Ông Trần Văn B, sinh năm 1963 (có mặt);

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm 9, Thôn 3, xã Phước Thê, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Phan M - Công ty Luật hợp danh Sài Gòn Việt Nam, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 72/1, đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn S, sinh năm 1958 (có mặt);

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm 9, Thôn 3, xã Phước Thê, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu 1, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Là đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền ngày 06/7/2018 (có mặt).

- *Người làm chứng :*

1/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1958 (có mặt);

2/ Đặng Thị L, sinh năm 1961 (có mặt);

3/ Đặng Văn G, sinh năm 1964 (vắng mặt);

4/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ : xóm 9, thôn 3, xã Phước Thê, huyện Tuy Phong, Bình Thuận.

Do có kháng cáo của bà Phạm Thị L.

Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2016 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Năm 1986 gia đình ông bà có xây dựng nhà ở trên thửa đất do cha mẹ ông bà để lại diện tích hơn 200m² trong đó có phần đất trồng bên hông nhà có diện tích (ngang 0,6m, dài 15m), ông bà sử dụng để chăn nuôi heo, do sau này thấy không đảm bảo vệ sinh, sợ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh nên gia đình ông bà không chăn nuôi nữa mà để trống. Năm 2008 ông bà được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 161, tờ bản đồ số: 02 (245524-9-(2), diện tích 200,9m² đất, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại Xóm 9, Thôn 3, xã Phước Thê, huyện Tuy Phong, khi nhận sổ về thì ông bà nghĩ trong diện tích 200,9m² đất có cả diện tích đất trên (tức ngang 0,6m, dài 15m), đến tháng 3/2016 gia đình ông Nguyễn S, bà Phạm Thị L tiến hành thi công và xây dựng nhà ở thì xây kiềng nhà luôn trên phần đất này. Nên đến tháng 4/2016 gia đình ông bà mới khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Phước Thê để can thiệp giải quyết, ngày 11/5/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Thê có giải quyết nhưng không thành. Đến ngày 21/9/2016 ông bà nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để giải quyết, vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Sáu, bà Lập phải giao trả cho gia đình ông bà diện tích (ngang 0,6m, dài 15m) đất mà gia đình ông Sáu lấn chiếm, vì cho rằng phần diện tích đất này là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông bà, nguồn gốc đất có từ trước, không phải của gia đình ông Sáu nhưng Ủy ban nhân dân huyện cấp luôn cho gia đình ông Sáu phần diện tích đất này. Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ thì ông bà xác định lại diện tích đất ông bà tranh chấp cụ thể: ngang mặt trước là 1,40m, ngang mặt sau là 0,6m và chiều dài 14,40m và ông bà đề nghị Tòa án xác minh làm rõ, giải

quyết giao lại cho ông bà diện tích đất này. Ngoài ra ông bà không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn trình bày: Nguồn gốc đất có diện tích 193,2m² mà Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông bà tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H 00442, thửa đất số 198, tờ bản đồ số 02 ngày 21/8/2008, tọa lạc tại Xóm 9, Thôn 3, xã Phước Thể do ông bà mua lại của bà Nguyễn Thị H là người hàng xóm từ năm 1982, đến năm 1984 thì ông bà xây dựng nhà tạm để ở, năm 2008 thì được Ủy ban nhân dân huyện cấp sổ, do nhà xuống cấp nên trong năm 2016 ông bà tháo dỡ nhà cũ xây dựng lại ngôi nhà mới là nhà bây giờ. Trong khi xây dựng thì gia đình bà Hạnh cản trở không cho xây dựng nên ông bà mới làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Phước Thể nhờ giải quyết nhưng không thành. Nay bà Hạnh và ông Bình yêu cầu gia đình ông bà giao lại diện tích đất (ngang mặt trước là 1,40m, ngang mặt sau là 0,6m và chiều dài 14,4m), ông bà không đồng ý, vì diện tích đất này nằm trong diện tích 193,2m² đất mà Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận cho ông bà nên ông bà không đồng ý giao trả, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho công bằng. Ngoài ra ông bà không có ý kiến gì thêm.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 25/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 16/2017/DS-ST, quyết định:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị H đối với bà Phạm Thị L và ông Nguyễn S về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Công nhận diện tích 14,4m² đất (ngang mặt trước 1,40m, ngang mặt sau 0,6m và dài 14,40m) cho vợ chồng bà Hạnh, ông Bình; Giao cho bà Phạm Thị L, ông Nguyễn S tiếp tục sử dụng diện tích 14,4m² đất nằm trong diện tích 193,2m² đất tại thửa số 198, tờ bản đồ số 02 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp cho ông bà ngày 21/8/2008. Buộc bà Phạm Thị L và ông Nguyễn S phải hoàn giá trị diện tích 14,4m² đất cho bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn B số tiền 4.795.200đ (bốn triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Về án phí: Hoàn trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn B số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0010530 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 30/8/2017, bà Phạm Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H, hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 31/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong ban hành

Quyết định số 01/QĐKNPT kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 16/2017/DS-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn giao trả diện tích đất 16,1m² tính bằng tiền trả cho nguyên đơn như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận giữ nguyên quyết định kháng nghị, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của các bị đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận là có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn Phạm Thị L; kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt luật sư của nguyên đơn, vắng mặt 02 người làm chứng nhưng nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt luật sư, đương sự có mặt đề nghị xét xử vắng mặt người làm chứng nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả đất nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp đất đai.

Đất là bất động sản, bị đơn có địa chỉ tại huyện Tuy Phong nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận quy định tại Khoản 9 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L về việc bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H.

Xét kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại Quyết định số 01/QĐKNPT ngày 31/8/2017, nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm cải, sửa bản án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện đòi lại diện tích đất 14,4m² của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị H ông Trần Văn

B và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Nguyên đơn đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 726904 ngày 03/11/2008, diện tích 200,9m²; bị đơn đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 980013 ngày 21/8/2008 diện tích 193,2m², các diện tích đất này đều tọa lạc tại Xóm 9, Thôn 3, xã Phước Thê, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Giữa hai diện tích đất trên có diện tích đất tranh chấp 14,4m² (theo Sơ đồ vị trí đất lập ngày 04/11/2016 của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong).

Giữa hai diện tích đất trên có diện tích đất tranh chấp 16,1m² (theo Bản đồ địa chính xã Phước Thê, Mảnh trích đo bản đồ địa chính lập ngày 05/9/2018 của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận).

Nguyên đơn xác định diện tích đất tranh chấp 14,4m² thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn nhưng Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong đã cấp quyền sử dụng đất cho bị đơn nên khởi kiện yêu cầu bị đơn trả đất.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, thể hiện:

Tại Sơ đồ vị trí đất lập ngày 04/11/2016 thì diện tích đất hiện trạng của nguyên đơn ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H sử dụng là thửa đất số 161/200,9m² bằng diện tích đất 200,9m² trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 726904 ngày 03/11/2008. Nếu cộng diện tích đất tranh chấp 14,4m² thì diện tích đất nguyên đơn ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H sử dụng tăng lên 215,3m².

Tại Sơ đồ vị trí đất lập ngày 04/11/2016 thì diện tích đất hiện trạng của bị đơn ông Nguyễn S, bà Phạm Thị L sử dụng là thửa đất số 198/193,2m² bằng diện tích đất 193,2m² trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 980013 ngày 21/8/2008. Nếu cộng diện tích đất tranh chấp 14,4m² thì diện tích đất bị đơn ông Nguyễn S, bà Phạm Thị L sử dụng tăng lên 207,6m².

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, thể hiện:

Tại Bản đồ địa chính xã Phước Thê, Mảnh trích đo bản đồ địa chính lập ngày 05/9/2018 thì diện tích đất của nguyên đơn ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H sử dụng hiện trạng là 204,7m² tăng 3,8m² so với diện tích đất 200,9m² trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 726904 ngày 03/11/2008. Nếu cộng diện tích đất tranh chấp 16,1m² thì diện tích đất nguyên đơn ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H sử dụng tăng lên 220,8m².

Tại Bản đồ địa chính xã Phước Thê, Mảnh trích đo bản đồ địa chính lập ngày 05/9/2018 thì diện tích đất của bị đơn ông Nguyễn S, bà Phạm Thị L sử dụng hiện trạng 178,7m² giảm 14,5m² so với diện tích đất 193,2m² trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 980013 ngày 21/8/2008. Nếu cộng diện

tích đất tranh chấp $16,1m^2$ thì diện tích đất bị đơn ông Nguyễn S, bà Phạm Thị L sử dụng tăng lên $194,8m^2$.

Tại Văn bản số 1018/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 22/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận, có nội dung: “... *Mảnh bản đồ địa chính Văn phòng đăng ký đất đai xác lập ngày 05/9/2018 được lập theo sự xác nhận và chỉ dẫn ranh của nguyên đơn ông Trần Văn B và bị đơn ông Nguyễn S tại thực địa, người dẫn đo đạc là Võ Ngọc Hoa là công chức địa chính xã Phước Thê (tại thực địa có lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất) căn cứ ranh giới do 02 bên chỉ dẫn xác nhận, Văn phòng đăng ký đất đã đo vẽ và lappj bản đồ cung cấp cho Tòa án tỉnh và kết quả thể hiện diện tích trên bản đồ được tính với chính xác $0,1m^2$ là phù hợp theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định về Bản đồ địa chính.*

Riêng Sơ đồ vị trí thửa đất do ông Đồng Quan Thao đo vẽ và được Hội đồng thẩm định ký xác lập ngày 04/11/2016 do sơ đồ vị trí này thực hiện từ năm 2016 nên độ chính xác về diện tích còn tùy thuộc vào việc xác nhận và dẫn ranh của người sử dụng đất tại thời điểm đo vẽ. Mặc khác, trong hồ sơ lập không thấy có hồ sơ quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định về Bản đồ địa chính (Phụ lục 11)”.

Điều đó chứng minh Bản đồ địa chính xã Phước Thê, Mảnh trích đo bản đồ địa chính lập ngày 05/8/2018 có tính pháp lý và đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 2817/UBND-NC ngày 28/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận - Là cơ quan quản lý đất đai theo Luật Đất đai, có nội dung: “*Diện tích đất tranh chấp $14,4m^2$ hoặc $16,1m^2$ đất có nằm trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn hoặc bị đơn không? Trả lời: Phần diện tích đất tranh chấp $14,4m^2$ đã cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn S (bà Phạm Thị L) vào năm 2008”.*

Từ kết quả thu thập chứng cứ nêu trên đủ căn cứ pháp luật xác định ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị L, ông Nguyễn S giao trả diện tích đất $16,1m^2$ là không có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

Do đó, kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ pháp luật để chấp nhận như phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Về án phí:

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên sửa án phí dân sự sơ thẩm, người kháng cáo không chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc đất tại Tòa án cấp phúc là 6.726.000đồng, ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 148, Điều 228, Điều 296, Khoản 2 Điều 308, Điều 309, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị L.

Chấp nhận kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT ngày 31/8/2017.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị H đối với bà Phạm Thị L và ông Nguyễn S về việc yêu cầu bà Phạm Thị L, ông Nguyễn S giao trả diện tích đất 16,1m² nằm trong diện tích đất 193,2m² tại thửa đất số 198, tờ bản đồ số 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 726904 ngày 03/11/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp đứng tên ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H ngày 21/8/2008.

Có Bản đồ địa chính xã Phước Thê, Mảnh trích đo bản đồ địa chính lập ngày 05/9/2018 kèm theo.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động về đất đai tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn B. phải chịu 268.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ số tiền 1.000.000đồng tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010530 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, còn lại 732.000đồng hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn B.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị L không chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0014061 ngày 12/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

4/ Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn B phải chịu 6.726.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất tại Tòa án cấp phúc thẩm, đã nộp đủ 6.726.000đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/12/2019).

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Các đương sự;
- Lưu: DS, HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín